TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thảo.
2. Bà Lý Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2022, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị L**, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 07, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Xóm Phố, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên - Vắng mặt (chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Phạm Quốc T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày: Tôi và anh Phạm Quốc T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, vào ngày 21/9/2009, theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và làm ăn sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại phường N, thành phố thành phố T. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn về quan điểm làm ăn kinh tế; bên cạnh đó anh T thường xuyên vắng

nhà, đi đâu làm gì tôi không biết, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Do vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên tôi đã chuyển ra ngoài sinh sống cho đến nay. Việc mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên nhủ, nhưng không thành.

Tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng kéo dài, tình cảm vợ chồng đã hết, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phạm Quốc T theo quy định của pháp luật.

Về con chung tôi và anh Phạm Quốc T có 02 người con là cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 12/02/2010 và cháu Phạm Hà A, sinh ngày 15/4/2011. Khi ly hôn, tôi nhận là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 người con chung; tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản chung: Tôi và anh T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và anh T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng anh Phạm Quốc T không đến Tòa án cũng như không có văn bản trình bày về ý kiến của mình và Tòa án không hòa giải cho các bên đương sự được theo quy định của pháp luật được.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ chị Hà Thị L cung cấp cho Tòa án:

- 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.
- 01 bản sao Giấy khai sinh mang tên Phạm Anh Q.
- 01 bản sao Giấy khai sinh mang tên Phạm Hà A.
- 01 bản sao Sổ hộ khẩu.
- 01 bản sao Căn cước công dân mang tên Hà Thị L.

Anh Phạm Quốc T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị Hà Thị L và anh Phạm Quốc T được biết: Chị L và anh T là vợ chồng, có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 07, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh T thường xuyên vắng mặt ở địa phương, nhưng không khai báo tạm vắng; chị L đi làm xa, thi thoảng có về nhà. Theo địa phương được biết thì anh Tú, chị L có mâu thuẫn, vợ chồng có trục trặc trong tình cảm. Nay chị L có đơn xin ly hôn với anh T đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị L và anh T có 02 người con chung là Phạm Anh Q, sinh ngày 12/02/2010 và Phạm Hà A, sinh ngày 15/4/2011. Chị L và anh T không có tài sản chung. Về tài sản cho vay và vay nợ chung thì địa phương không nắm được.

Tòa án xác minh bà Nguyễn Thị Khánh là mẹ đẻ của anh T được biết: Anh Tú, chị L là vợ chồng; anh T là con trai và chị L con dâu. Sau khi kết hôn, chị L và anh T sống cùng vợ chồng bà tại tổ 07, phường N, thành phố T. Chị L và anh T đã có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống; vợ chồng thường cãi cọ nhau. Anh T đi làm ăn xa, ít khi về nhà. Việc Tòa án gửi các thông báo về việc ly hôn của chị L và anh T thì bà đều có thông báo lại cho anh T biết qua điện thoại. Việc chị L xin ly hôn với anh T bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị L và anh T có 02 người con chung là cháu

Phạm Anh Q, sinh ngày 12/02/2010 và cháu Phạm Hà A, sinh ngày 15/4/2011. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà đề nghị giao hai cháu Phạm Anh Q và Phạm Hà A cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì các con cần sự chăm sóc của người mẹ và anh T hiện đi làm ăn xa, chưa có điều kiện nuôi dưỡng các con.

Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 12/02/2010 và Phạm Hà A, sinh ngày 15/4/2011, được biết khi bố mẹ ly hôn các cháu đều đề nghị ở với mẹ là chị L để được chăm sóc, học hành và sinh hoạt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các thành phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định. Ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là chị L đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh T còn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L được ly hôn với anh Phạm Quốc T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 12/02/2010 và cháu Phạm Hà A, sinh ngày 15/4/2011 cho chị Hà Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phạm Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hà Thị L và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- Chị L phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Hà Thị L và anh Phạm Quốc T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/9/2009, tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng gia đình nhà chồng tại tổ dân phố 07, phường N, thành phố T. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, nên chị L và anh T hiện không chung sống cùng nhau. Chị L có đơn xin khởi kiện xin ly hôn với anh T. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị L và anh T có mâu thuẫn căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của chị L là được ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 02 người con chung là cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 12/02/2010 và cháu Phạm Hà A, sinh ngày 15/4/2011. Xét thấy cháu Quốc và cháu A tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người chưa đủ 18 tuổi, nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và nguyện vọng của cháu Quốc và cháu A là được ở trực tiếp với mẹ là chị L khi bố mẹ ly hôn; bên cạnh đó anh T thường đi làm ăn xa, ít khi về nhà, nên giao cháu Quốc và cháu A cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là có căn cứ theo Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với anh Phạm Quốc T quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, không lấy được ý kiến của anh Tú; không tiến hành hòa giải được cho các bên đương sự, nên giải quyết việc chị L xin ly hôn với anh T theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

Anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Nguyên đơn là chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt chị L và anh T theo Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

**** Tuyên xử*:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hà Thị L được ly hôn với anh Phạm Quốc T.

2. *Về con chung*: Giao cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2010 và cháu Phạm Hà A, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2011 cho chị Hà Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phạm Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hà Thị L (do hiện tại chị Hà Thị L không yêu cầu). Anh Phạm Quốc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: - Chị Hà Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000431, ngày 05 tháng 10 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị Hà Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Phạm Quốc T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Hà Thị L và anh Phạm Quốc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn